CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Nhiệt điện Ninh Bình

Ngày 30/06/2025	10,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**-8.1%**

DT thuần
Q2/25
118
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 71.6| 155%
YoY: ▼297| -71.5%

LN thuần
Q2/25
5.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.16| 3.1%
YoY: ▲ 6.23| 599%

LN sau thuế
Q2/25
5.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.16| 3.1%
YoY: ▲ 6.02| 725%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.4%
YoY: +/-▼ 6.5%

ROE (TTM)
Q2/25
0.1%
YoY: +/-▲ 2.5%

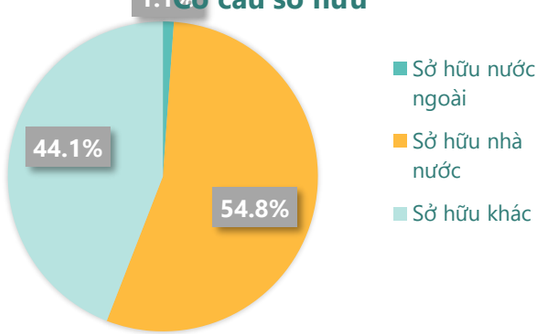
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,100 - 14,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	131
Số lượng CPLH (CP)	12,865,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	37,835
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	(0.10)
EPS	16
P/E	632.6

DT thuần
6T 2025
165
tỷ VNĐ
YoY: ▼616| -78.9%

LN thuần
6T 2025
10.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.68| 572%

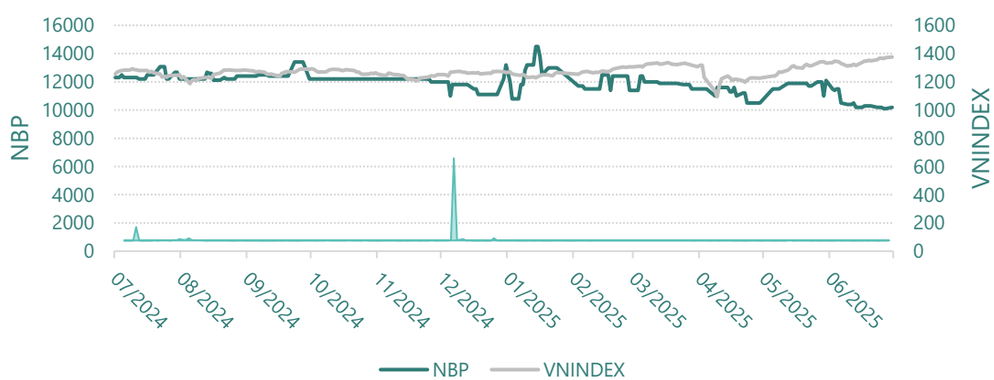
LN sau thuế
6T 2025
10.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.01| 757%

Cơ cấu sở hữu

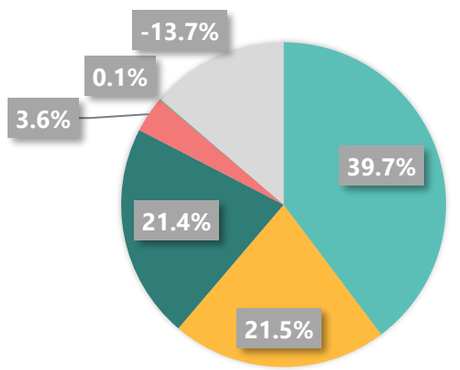


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



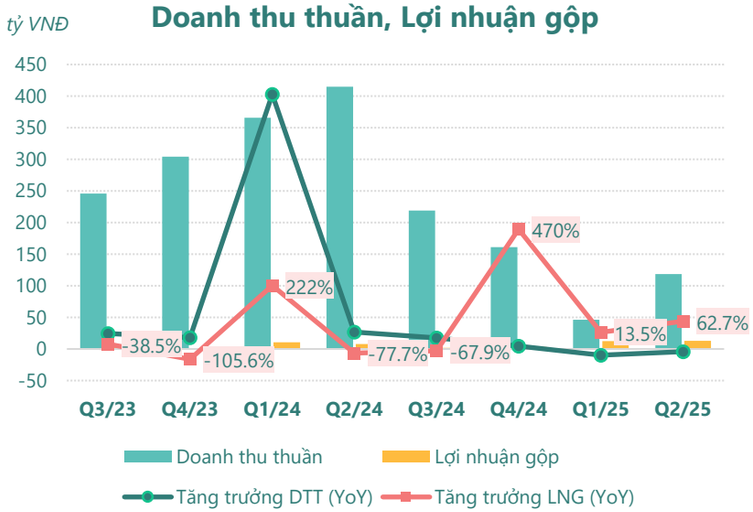
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

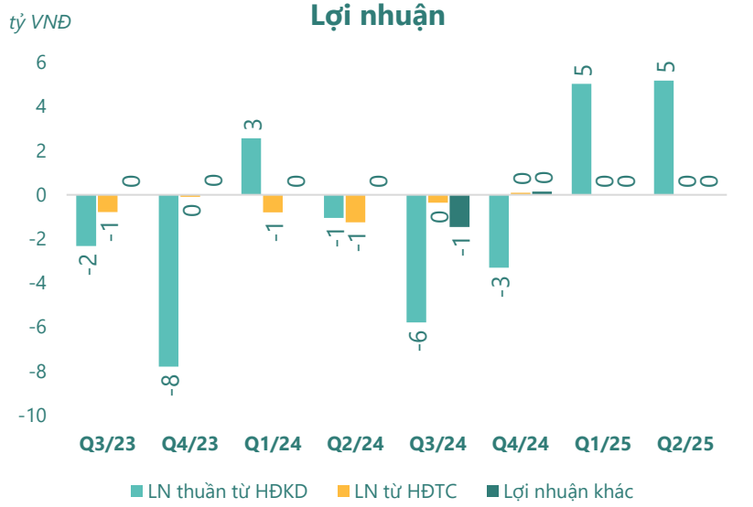
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



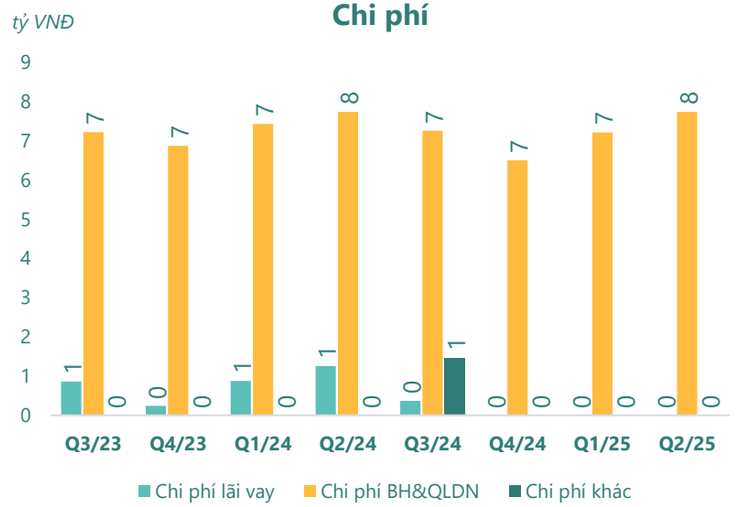
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



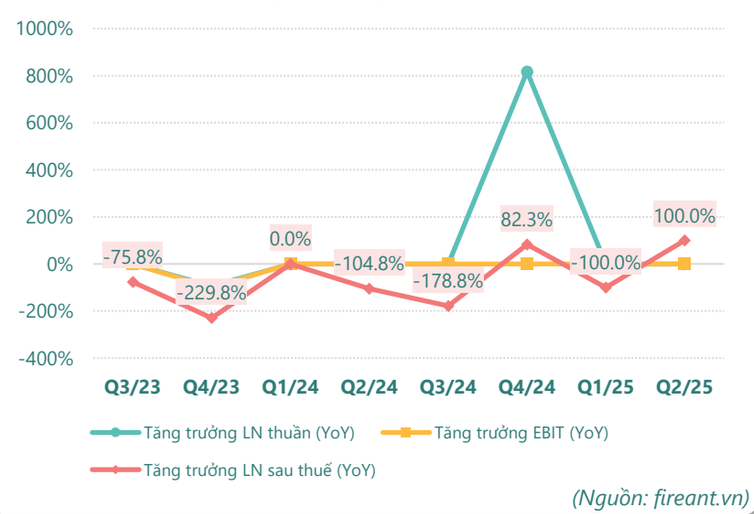
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



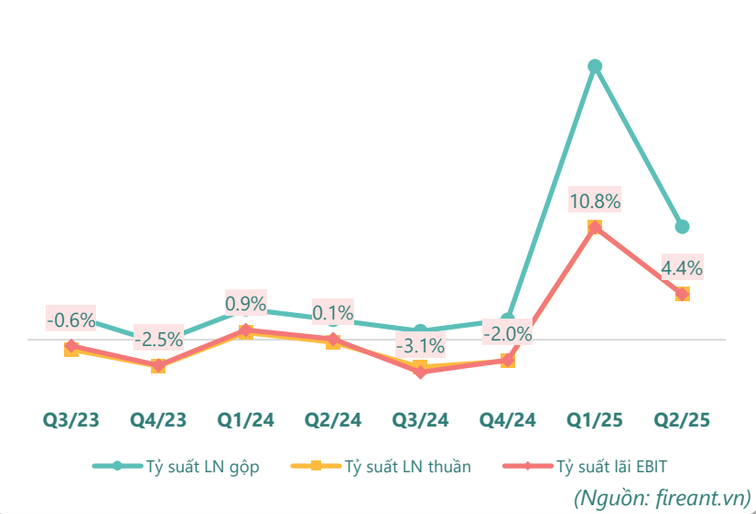
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



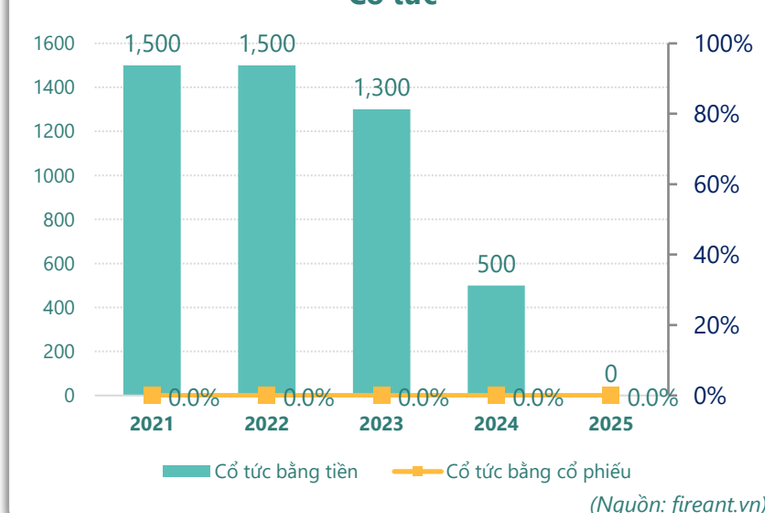
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

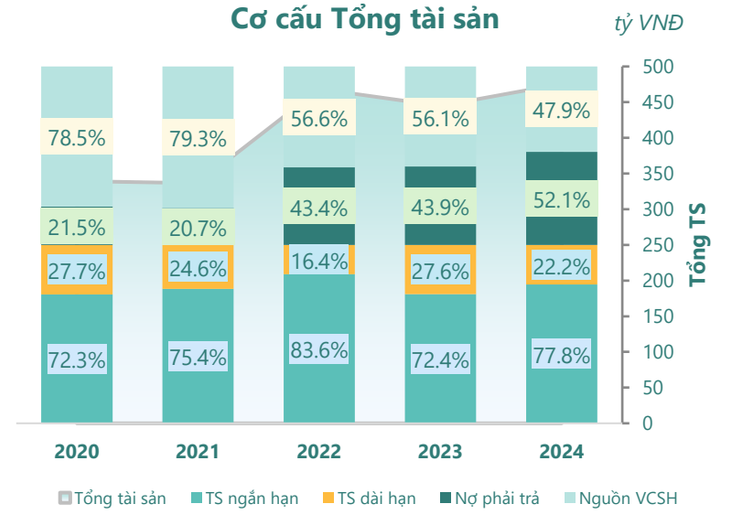
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

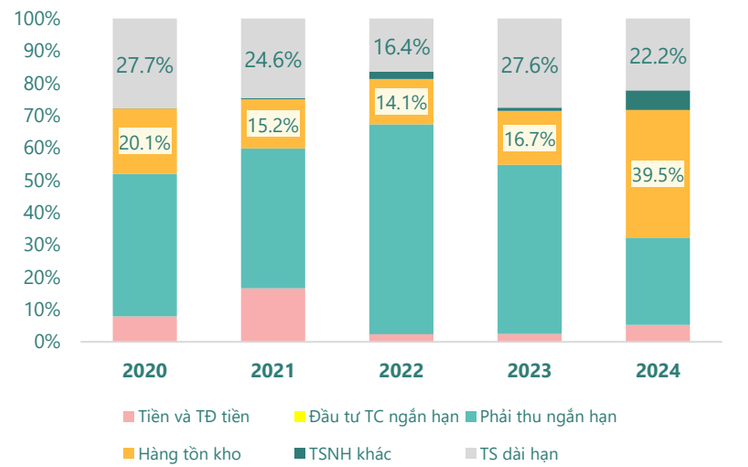
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



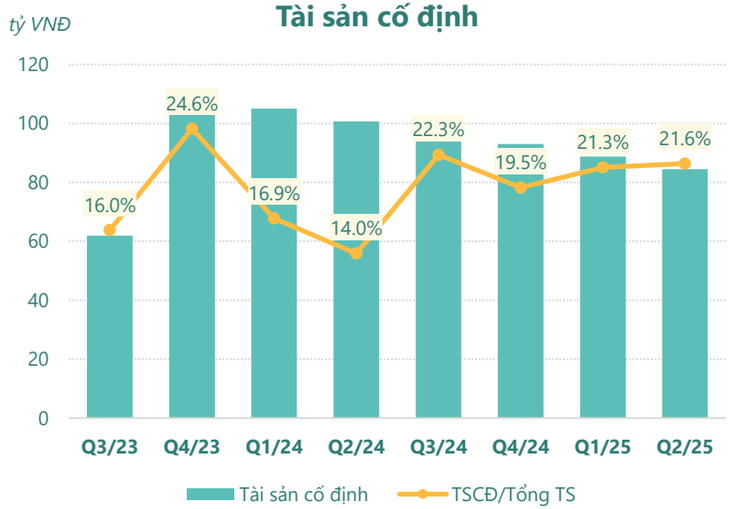
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



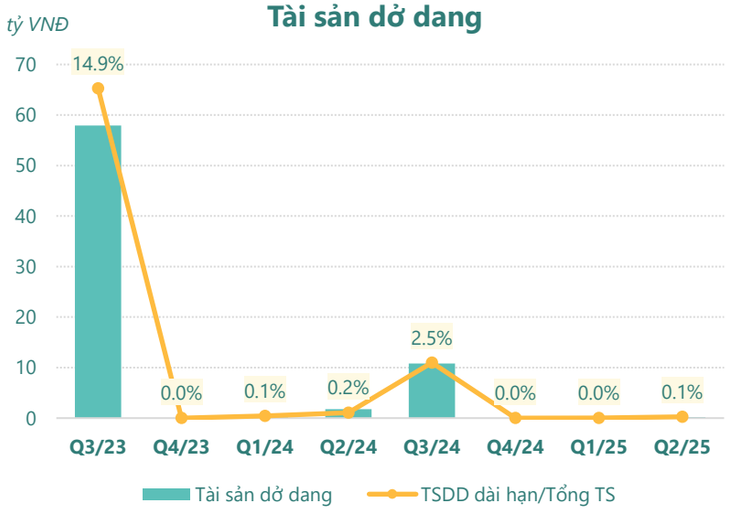
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



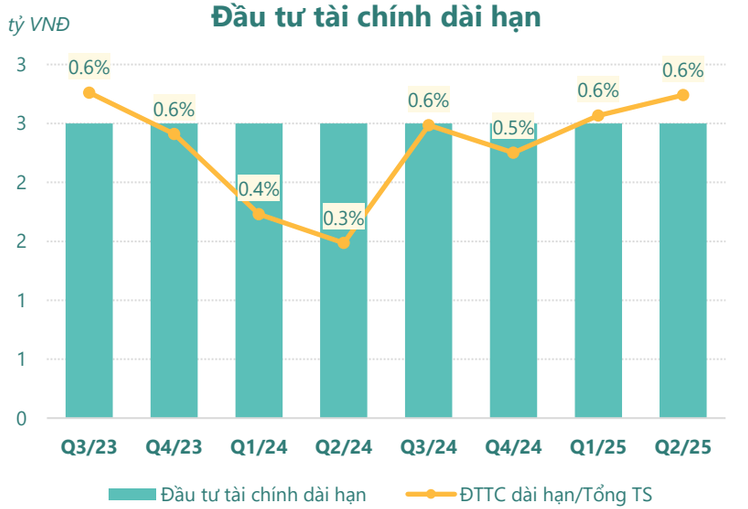
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



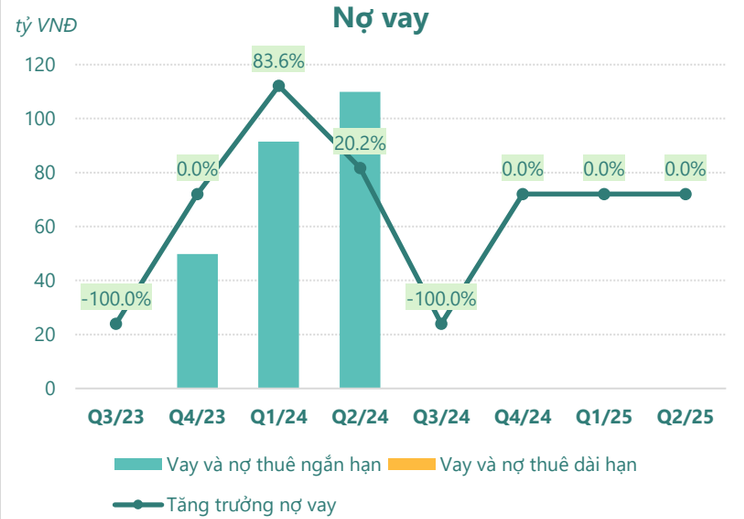
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

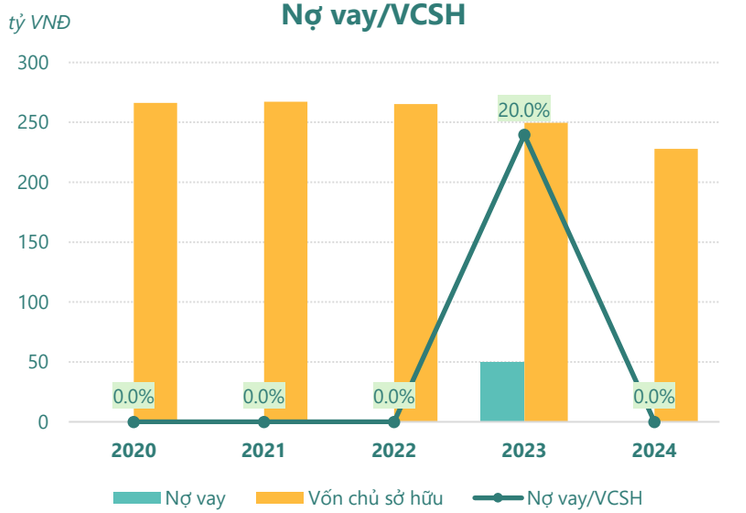
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

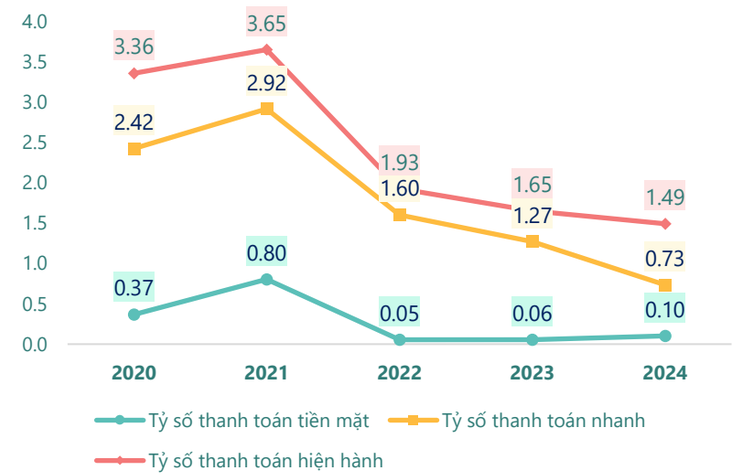
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



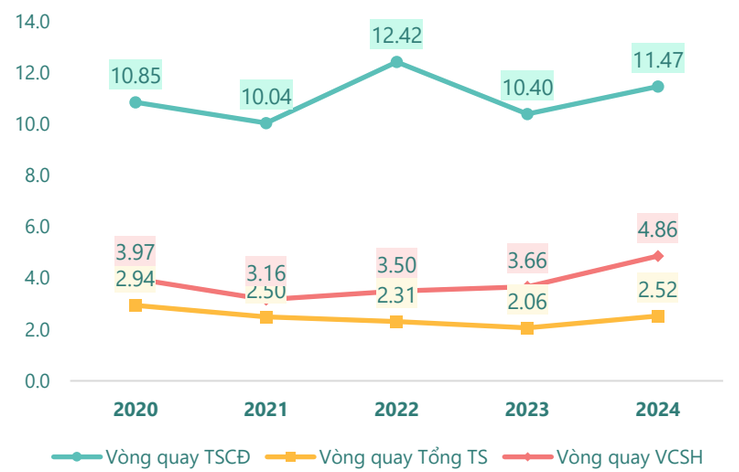
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



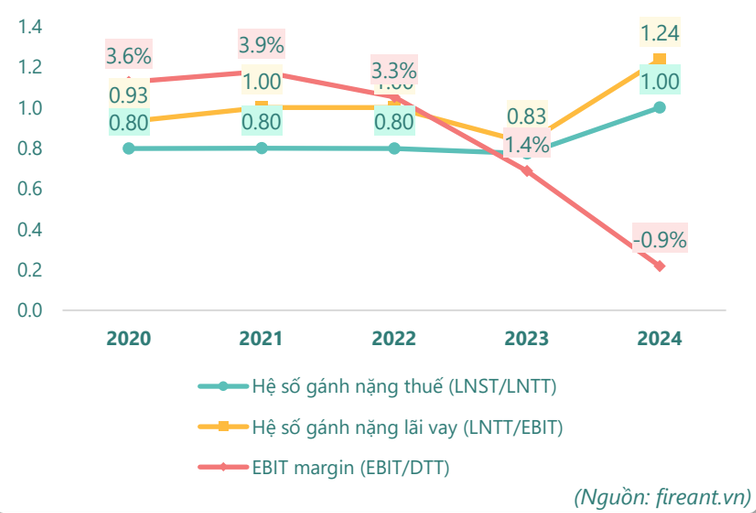
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



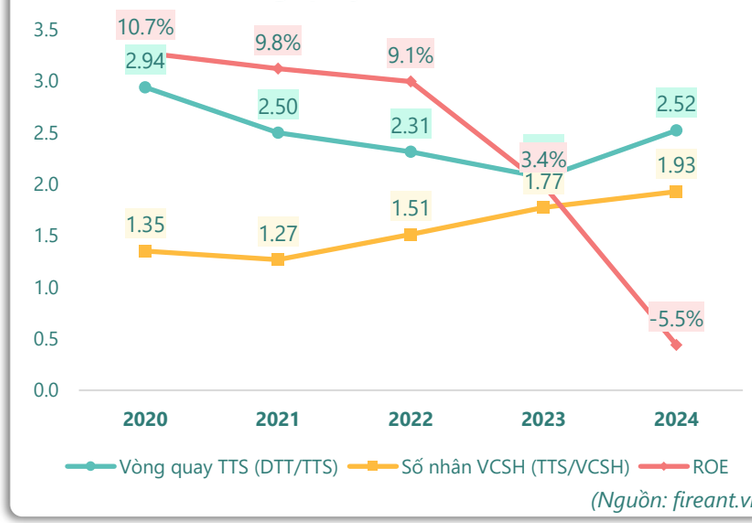
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



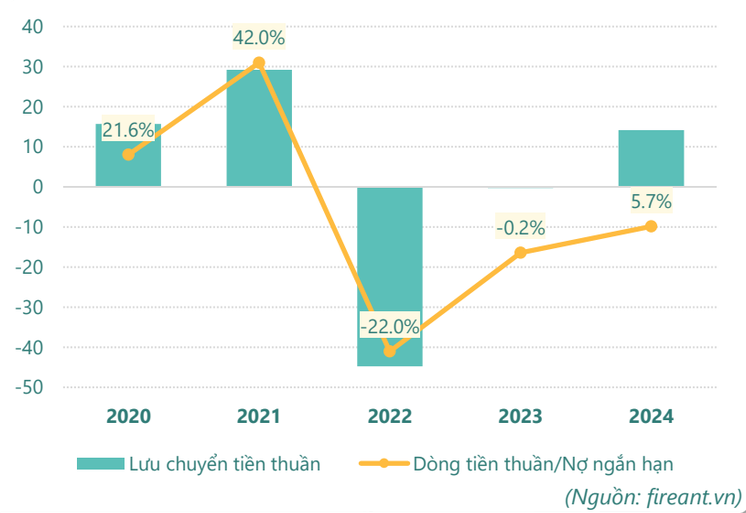
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**118**	**415**	**-71.5%**	**165**	**781**	**-78.9%**
Giá vốn hàng bán	105	407	-74.1%	140	762	-81.7%
Lợi nhuận gộp	12.9	7.94	62.8%	25.2	18.7	34.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-69.8%	0.01	0.09	-92.0%
Chi phí TC	0	1.26	-100%	0	2.13	-100%
Chi phí lãi vay	0	1.26	-100%	0	2.13	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.02	0.04	-38.0%	0.04	0.08	-46.8%
Chi phí QLDN	**7.72**	**7.69**	**0.3%**	**14.9**	**15.1**	**-1.1%**
LN thuần từ HĐKD	5.19	-1.04	599%	10.2	1.52	572%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	5.19	-1.04	599%	10.2	1.52	572%
Lợi nhuận sau thuế	**5.19**	**-0.83**	**725%**	**10.2**	**1.19**	**757%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.19**	**-0.83**	**725%**	**10.2**	**1.19**	**757%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-94.9	16.4	82.3	-292	-16.5	2.50
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.08	-0.10	0.01	0.21	-0.18	-0.63
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	91.5	-11.4	-80.1	252	0.00	-0.01
Tiền đầu kỳ	10.8	7.45	12.3	14.5	25.0	8.28
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.35**	**4.85**	**2.21**	**-39.5**	**-16.7**	**1.86**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.45	12.3	14.5	-25.0	8.28	10.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**391**	**476**	**-17.8%**
Tài sản ngắn hạn	293	370	-20.7%
Tiền và tương đương tiền	10.1	25.0	-59.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	147	128	14.3%
Hàng tồn kho	120	188	-36.2%
Tài sản ngắn hạn khác	16.7	28.7	-41.7%
Tài sản dài hạn	**97.6**	**106**	**-7.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	84.5	93.0	-9.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.22	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**10.4**	**10.3**	**0.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	153	248	-38.3%
Nợ ngắn hạn	**153**	**248**	**-38.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	128	232	-44.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**238**	**228**	**4.5%**
Vốn chủ sở hữu	**238**	**228**	**4.5%**
Vốn điều lệ	129	129	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)